



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VCT
ISO/IEC 17065:2012

Mã hiệu Lần BH	HD.CN.01.02 03
Ngày BH Số trang	16/5/2026 1/6



TÀI LIỆU ĐƯỢC KIỂM SOÁT
DOCUMENTS UNDER CONTROL

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Người lập	Nguyễn Việt Dũng		Ngày lập	08/5/2026
Người kiểm tra	Trịnh Anh Tuấn		Ngày kiểm tra	15/5/2026
Người phê duyệt	Nguyễn Thái Hùng		Ngày phê duyệt	16/5/2026

Ghi chú: Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần dịch vụ VCT, không được phép thay đổi hoặc sao chép bất cứ phần nào khi không có sự đồng ý của Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ VCT.

1. Mục đích, phạm vi

1.1. Mục đích: Quy định về mẫu thiết kế và sử dụng dấu chứng nhận phù hợp (dấu hợp quy) cho sản phẩm cơ sở bảo hành bảo dưỡng xe cơ giới đã được Công ty cổ phần dịch vụ VCT (VCT) chứng nhận.

1.2. Phạm vi: áp dụng trong phạm vi hoạt động chứng nhận của VCT và các đối tượng khách hàng/ doanh nghiệp/ cơ sở sản xuất có sản phẩm được Công ty chứng nhận.

2. Tài liệu liên quan

- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;
- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Thông tư 14/2026/TT-BKHCN “Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật”;
- Tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17065:2013;
- Sổ tay chất lượng của VCT.

Trường hợp các văn bản pháp quy viện dẫn hoặc tham chiếu trong tài liệu này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

3. Định nghĩa

3.1. Dấu chứng nhận phù hợp quy chuẩn (gọi tắt là dấu hợp quy): là bằng chứng thể hiện sự phù hợp của sản phẩm với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, nhằm phân biệt với các sản phẩm chưa được chứng nhận.

3.2. Dấu hợp quy (CR): được sử dụng sau khi sản phẩm được chứng nhận phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật liên quan.

3.3. Biểu tượng (logo): là hình ảnh được VCT chọn lựa và sử dụng để giúp cho việc nhận diện thương hiệu tổ chức.

4. Mô tả

4.1. Khái quát

- VCT là tổ chức chứng nhận được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. VCT đã được các tổ chức có thẩm quyền: Bộ Xây dựng cấp giấy chứng nhận số 02/GCN-BXD hoạt động trong lĩnh vực chứng nhận phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới QCVN 121:2024/BGTVT, Cục Đăng kiểm Việt Nam là cơ quan chỉ định Tổ chức đánh giá sự phù hợp để đánh giá, chứng nhận Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới phù hợp Quy chuẩn này theo quy định của pháp luật về Chất lượng sản

phẩm hàng hóa, pháp luật về Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Các dịch vụ do VCT cung cấp đều phù hợp với các chuẩn mực Quốc gia và Quốc tế tương ứng.

- Việc sử dụng dấu hợp quy và biểu tượng (logo) của VCT thể hiện uy tín và năng lực của VCT và là bằng chứng khách quan về chất lượng sản phẩm của cơ sở/doanh nghiệp được chứng nhận, năng lực quản lý và năng lực kỹ thuật của các tổ chức này so với chuẩn mực chấp nhận.

- Dấu hợp quy được VCT cung cấp cho các cơ sở/doanh nghiệp căn cứ theo số Giấy chứng nhận của từng loại đối tượng sản phẩm. Cơ sở/doanh nghiệp được quyền sử dụng dấu hợp quy đối với các sản phẩm phù hợp với phạm vi đã được VCT đánh giá và chứng nhận.

- VCT có trách nhiệm hướng dẫn sử dụng dấu chứng nhận cho các cơ sở/doanh nghiệp/khách hàng có sản phẩm được VCT chứng nhận phù hợp.

- Cơ sở/doanh nghiệp phải chấm dứt việc sử dụng dấu trong các trường hợp:

+ Hết hạn hiệu lực chứng nhận 3 năm mà cơ sở/doanh nghiệp không đăng ký tái chứng nhận (Đối với các sản phẩm, hàng hóa chứng nhận theo phương thức 8);

+ Cơ sở/doanh nghiệp bị VCT thu hồi quyết định chứng nhận (hủy bỏ việc chứng nhận);

+ Trong thời gian cơ sở/doanh nghiệp tạm thời bị VCT thông báo đình chỉ hiệu lực chứng nhận.

4.2. Mẫu dấu hợp quy (CR)

4.2.1. Hình dạng



Chi tiết dấu như sau:



- : Ký hiệu dấu hợp quy

- VCT SERVICES JSC : Tên tổ chức chứng nhận

- QCVN 121:2024/BGTVT : Số quy chuẩn kỹ thuật
- Số XXXX-VCT-CB-YY-ZZ : Số giấy chứng nhận hợp quy

Trong đó:

- + XXXX: thể hiện số thứ tự chứng nhận trong năm, ví dụ: 0001;
- + VCT: logo của công ty;
- + CB: thể hiện sản phẩm chứng nhận cơ sở bảo hành bảo dưỡng;
- + YY: thể hiện năm chứng nhận, ví dụ: năm 2026 là 26;
- + ZZ: thể hiện mã mở rộng chứng nhận, ví dụ: 01 là mã mở rộng lần thứ nhất.

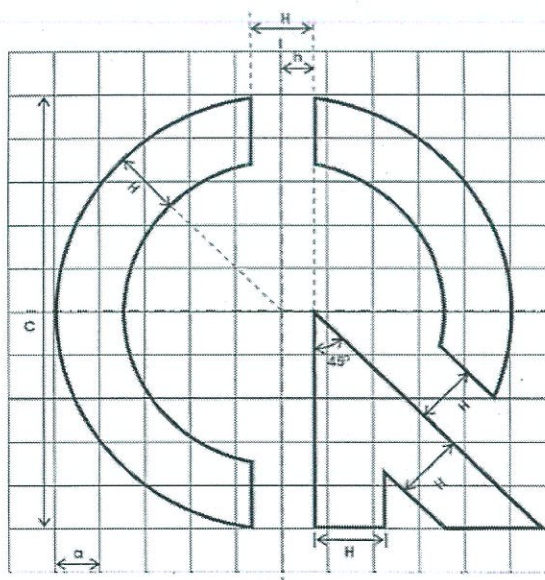
4.2.2. Kích thước cơ bản của dấu hợp quy

Chú thích:

$$H = 1,5 a$$

$$h = 0,5 H$$

$$C = 7,5 H$$



4.3. Quy định sử dụng dấu hợp quy:

a) Dấu hợp quy có thể được thể hiện/trình bày dưới các dạng sau:

- Sử dụng trực tiếp trên sản phẩm, hàng hóa, trên bao bì, nhãn gắn trên sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, quá trình;
- In trong tài liệu kỹ thuật kèm theo hay tài liệu giới thiệu sản phẩm;
- In trong tài liệu quảng cáo, tờ rơi...

b) Dấu hợp quy phải được thể hiện ở vị trí dễ đọc, dễ thấy, phải đảm bảo không dễ tẩy xóa và không thể bóc ra gắn lại;

c) Dấu hợp quy có thể được phóng to hoặc thu nhỏ nhưng phải bảo đảm đúng tỷ lệ kích thước cơ bản theo quy định tại mục 4.2.2. và nhận biết được bằng mắt thường;

d) Dấu hợp quy phải được thiết kế và thể hiện cùng một màu, dễ nhận biết.

e) Khách hàng không được quyền chuyển nhượng dấu chứng nhận cho một cơ sở hay một pháp nhân khác.

f) Không được phép sử dụng dấu chứng nhận theo cách thức có thể dẫn đến gây hiểu nhầm, sai lệch cho phía cơ quan quản lý Nhà nước/khách hàng/người tiêu dùng khi sử dụng sản phẩm hoặc làm ảnh hưởng tới uy tín của VCT.

4.4. Xử lý vi phạm

- Bất kỳ cơ sở/doanh nghiệp nào vi phạm quy định sử dụng biểu tượng (logo) và dấu chứng nhận của VCT đều bị xử lý theo quy định. Tùy theo các mức độ vi phạm mà VCT sẽ áp dụng các biện pháp như nhắc nhở, đình chỉ/thu hồi hay hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận và dấu chứng nhận.

- Trường hợp bị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận và dấu chứng nhận, cơ sở/doanh nghiệp/khách hàng:

+ Không được phép sử dụng dấu trên sản phẩm hay bao bì sản phẩm được sản xuất kể từ ngày quyết định hủy bỏ có hiệu lực.

+ Thực hiện các biện pháp cần thiết để loại bỏ dấu trên sản phẩm hoặc bao bì sản phẩm còn tồn kho hoặc đang lưu thông trên thị trường.